|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông** | | | |
| 1 | **Điều 23a. Điều kiện xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông**  Doanh nghiệp được xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông khi đáp ứng các điều kiện sau:  1. Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: **Có ngành, nghề kinh doanh là kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được đăng tải** trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của doanh nghiệp; | Luật doanh nghiệp 2014 đã xác định việc kê khai ngành nghề kinh doanh khi làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp không ảnh hưởng đến quyền kinh doanh trong các lĩnh vực cụ thể (mà chỉ có ý nghĩa thống kê). Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp phải có ngành nghề kinh doanh dịch vụ viễn thông trong hồ sơ đăng ký kinh doanh rồi sau đó mới được xin giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông là không phù hợp với tinh thần của Luật doanh nghiệp 2014. | **Đề nghị bỏ Điều 23a.1** |
| 2 | **2. Điều kiện về tài chính:**  a) Doanh nghiệp có khả năng tài chính để bảo đảm thực hiện giấy phép ***phù hợp với kế hoạch*** kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật đề xuất;  3. Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực:  b) Doanh nghiệp có tổ chức bộ máy và nhân lực ***phù hợp với kế hoạch*** kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật và phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin. | Các điều kiện về tài chính và nhân lực tại Dự thảo đang được thiết kế theo hướng "*phải phù hợp với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật đề xuất*". Quy định này vừa không cần thiết, vừa không minh bạch.  *Tính cần thiết*: Việc nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải trình bày kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật là phù hợp, vì nội dung của hai kế hoạch này thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nhà nước và đối với xã hội. Doanh nghiệp sẽ phải tự đáp ứng các điều kiện về tài chính và nhân lực để thực hiện kế hoạch này. Việc nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải khai báo và thuyết trình về "tính phù hợp" về tài chính và nhân sự của mình đã đi quá xa so với mục tiêu quản lý.  *Tính minh bạch*: cơ quan nhà nước không có tiêu chí rõ ràng nào để đánh giá "tính phù hợp" về tài chính và nhân lực của doanh nghiệp so với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật. Giả sử, doanh nghiệp cho rằng nhân sự của mình là đủ để thực hiện kế hoạch, nhưng cơ quan nhà nước cho rằng không đủ, khi đó sẽ không có cơ sở để đánh giá. | Đề nghị bỏ Điều 23a.2.a và Điều 23a.3.b. |
| 3 | **4. Điều kiện về kỹ thuật, kinh doanh:**  Doanh nghiệp phải có kế hoạch kỹ thuật, kế hoạch kinh doanh:  a**)** Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch tài nguyên viễn thông; | Như đã đề cập, việc yêu cầu doanh nghiệp khai báo kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật là cần thiết, song việc đánh giá các kế hoạch này có đáp ứng điều kiện kinh doanh hay không thì cần sửa đổi.  Điều 23a.4.a yêu cầu hai kế hoạch này phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia. Thông thường, các chiến lược, quy hoạch này sẽ đặt ra giới hạn tổng lượng cung ứng dịch vụ của các doanh nghiệp. Nếu các doanh nghiệp đang tồn tại đã chiếm lĩnh toàn bộ tổng lượng cung này thì sẽ không còn chỗ cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động hoặc doanh nghiệp mới gia nhập. Lúc này, muốn được kinh doanh, các doanh nghiệp phải "xin điều chỉnh quy hoạch". Tuy nhiên, việc xin điều chỉnh quy hoạch này không phải thủ tục hành chính, mang nặng tính xin-cho, và không thực sự cần thiết.  Lưu ý, đối với quy hoạch tài nguyên viễn thông quốc gia thì tài nguyên viễn thông quốc gia là tài sản thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu. (Điều 53 của Hiến pháp quy định: *"Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*.") Do đó, về vấn đề quản lý tài nguyên viễn thông quốc gia, nhà nước đóng "vai trò chủ sở hữu", khác với "vai trò quản lý" như đối với chiến lược, quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia. | **Đề nghị sửa** Điều 23a.4.a thành: "Phù hợp với quy hoạch tài nguyên viễn thông" |
| 4 | **4. Điều kiện về kỹ thuật, kinh doanh:**  Doanh nghiệp phải có kế hoạch kỹ thuật, kế hoạch kinh doanh:  b) Khả thi và phù hợp với các quy định về kết nối, giá cước, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông; | Điều 23a.4.b yêu cầu kế hoạch kỹ thuật, kế hoạch kinh doanh phải "khả thi".  Trong nền kinh tế thị trường, việc đánh giá **tính khả thi** của một kế hoạch kinh doanh là trách nhiệm của doanh nghiệp. Nhà đầu tư bỏ tiền ra để kinh doanh thì họ là người quan tâm nhất đến tính khả thi của kế hoạch đó và sẽ làm mọi cách (trong khuôn khổ pháp luật) để khiến cho kế hoạch đó trở nên khả thi. Nhà nước không nên can thiệp vào vấn đề này.  Giả sử doanh nghiệp cho rằng kế hoạch của mình là khả thi, nhưng cơ quan nhà nước lại cho rằng không khả thi. Khi đó sẽ không thể có tiêu chí rõ ràng nào để thẩm định "tính khả thi" của kế hoạch. | **Đề nghị sửa** Điều 23a.4.b thành: Doanh nghiệp phải có kế hoạch kỹ thuật, kế hoạch kinh doanh phù hợp với các quy định về kết nối, giá cước, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông. |
| 5 | **5. Điều kiện về an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin:** doanh nghiệp có phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin ***phù hợp với kế hoạch*** kỹ thuật và kế hoạch kinh doanh | Điều 23a.5 yêu cầu phương án bảo đảm an toàn thông tin phải phù hợp với kế hoạch kỹ thuật và kế hoạch kinh doanh. Quy định như vậy là chung chung, không minh bạch và không có tiêu chí rõ ràng để đánh giá. | Đề nghị quy định rõ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc các con số định lượng về an toàn thông tin (ví dụ: tỷ lệ rớt mạng, khả năng chống bị tấn công,…) |
| 6 | Mẫu số 04/GPKDVT: Mẫu kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên của doanh nghiệp  Phần 1: Dự báo và phân tích thị trường  Phần 3. Tài chính  4. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách  Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên  4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường  5. Dự báo lợi nhuận/lỗ, bản cân đối tài chính và dự báo dòng tiền mặt (trình bày rõ các thông số giả thiết được sử dụng để tính toán, ví dụ chính sách khấu hao tài sản, dự báo sản lượng, tăng/giảm chi phí điều hành)  6. Các tỷ số tài chính: tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA), lợi nhuận trên vốn (ROE), hệ số biên lợi nhuận hoạt động, hệ số biên lợi nhuận thuần, tỷ suất tài sản-nợ (trình bày rõ công thức sử dụng để tính toán các hệ số trên)  7. Dự báo tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR), giá trị hiện tại thuần (net present value), tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (payback period of invesment)  8. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách. | Kế hoạch kinh doanh mà doanh nghiệp nộp cho nhà nước chỉ cần trình bày về năng lực cơ sở vật chất, nhân lực, và các cam kết của doanh nghiệp, bởi đây là những vấn đề nhà nước cần kiểm soát để bảo đảm doanh nghiệp đủ năng lực, và các cam kết sau này sẽ thực hiện. Các nội dung khác nhà nước không cần yêu cầu doanh nghiệp khai báo bởi đây thuộc về quyền tự quyết của doanh nghiệp, cụ thể:  - Phần 1: Dự báo và phân tích thị trường không phải là nội dung mà nhà nước cần kiểm soát.  - Phần 3.4 về kế hoạch quản lý rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách cũng không phải là những nội dung nhà nước cần kiểm soát.  - Phần 4 gồm các nội dung về thị trường và kế hoạch phát triển thị trường; dự báo lợi nhuận, cân đối tài chính và dòng tiền; các tỷ số lợi nhuận trên tài sản, lợi nhuận trên vốn, hệ số biên lợi nhuận hoạt động, hệ số biên lợi nhuận thuần, tỷ suất tài sản-nợ; dự báo tỷ lệ hoàn vốn nội bộ, giá trị hiện tại thuần, tỷ lệ hoàn vốn đầu tư; kế hoạch quản lý rủi ro. | Đề nghị bỏ các nội dung trong mẫu kế hoạch kinh doanh, gồm:  - Phần 1  - Phần 3.4  - Phần 4.4, 4.5, 4.6, 4.7 và 4.8 |
| 7 | **Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực**  2. Danh sách kèm theo sơ yếu lý lịch ***có xác nhận tư pháp***  theo quy định của pháp luật của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp | **Việc yêu cầu xác nhận lý lịch tư pháp của các thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát là không cần thiết**. Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, cần áp dụng cơ chế doanh nghiệp tự khai, tự chịu trách nhiệm. | **Đề nghị bỏ yêu cầu phải xác nhận tư pháp** đối với lý lịch của các thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát, chuyển sang cơ chế doanh nghiệp tự khai, tự chịu trách nhiệm. |
| 8 | **Mẫu số 07/GPKDVT** về cam kết thực hiện giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng | Trong bảng cam kết của doanh nghiệp bao gồm cả cam kết về kinh phí đầu tư, và yêu cầu doanh nghiệp phải cam kết tại các năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ năm, thứ mười và đến hết thời hạn của giấy phép.  Trong khi đó, quy định về điều kiện kinh doanh chỉ yêu cầu doanh nghiệp cam kết mức đầu tư tại năm thứ 3 và năm thứ 15. Như vậy, Mẫu số 07 đã yêu cầu doanh nghiệp khai báo và cam kết nhiều hơn những điều kiện mà Nghị định yêu cầu. | **Đề nghị bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải cam kết** về phạm vi, quy mô và kinh phí đầu tư tại các năm, trừ năm thứ 3 và năm thứ 15. |
| 9 | **Điều 10. Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng, thiết bị vô tuyến điện**  3. Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất thiết bị vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam phải đăng ký và tuân thủ các điều kiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. | Lĩnh vực sản xuất thiết bị vô tuyến điện hiện nay không nằm trong danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại phụ lục của Luật đầu tư. Do đó, Điều 10.3 của Nghị định 25 đã không còn phù hợp. | **Đề nghị bỏ khoản 3 Điều 10 của Nghị định 25** |
| 10 | **Điều 22. Bảo đảm thực hiện giấy phép viễn thông**  1. Doanh nghiệp viễn thông không thực hiện đúng các nội dung quy định tại giấy phép viễn thông hoặc cam kết của doanh nghiệp khi đề nghị cấp phép phải nộp tiền phạt vi phạm thực hiện giấy phép như sau:  a) Đối với giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động mắt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện; giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định vệ tinh; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động vệ tinh: Mức phạt tối đa không quá 1% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép nhưng không thấp hơn 150 triệu đồng Việt Nam;  b) Đối với giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông; giấy phép thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: Trước khi nhận giấy phép, doanh nghiệp phải gửi số tiền tương ứng 5% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép vào tài khoản do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định để trích nộp phạt nếu vi phạm. Mức phạt tối đa không quá 5% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép nhưng không thấp hơn 3 tỷ đồng Việt Nam.  2. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể nội dung và mức phạt vi phạm thực hiện giấy phép viễn thông. | Theo quy định tại Điều 22.1.b của Nghị định 25, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ xin cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, đến khi được cơ quan nhà nước đồng ý cấp phép rồi thì phải làm thủ tục nộp một khoản tiền vào tài khoản do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định để trích nộp phạt nếu vi phạm. Số tiền phải nộp lên đến 5% mức cam kết đầu tư trong 3 năm đầu tiên, tương ứng với số tiền tối thiểu là: 15 tỷ, 50 tỷ, 375 tỷ đồng (tương ứng với từng loại dịch vụ). Sau khi nộp tiền thì doanh nghiệp mới được nhận giấy phép. Như vậy, về bản chất, đây là một điều kiện kinh doanh.  Tuy nhiên, **Điều 36 của Luật viễn thông không có quy định về điều kiện này và cũng không có quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực viễn thông**.  Luật xử lý vi phạm hành chính cũng **không cho phép cơ quan nhà nước yêu cầu doanh nghiệp nộp tiền vào tài khoản phong tỏa để bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính**. Hơn nữa, Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng chỉ cho phép mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực viễn thông là 100 triệu đồng. Như vậy, Điều 22 của Nghị định 25 đã trái với Luật xử lý vi phạm hành chính.  Do đó, điều kiện kinh doanh tại Điều 22 của Nghị định 25 là **không có cơ sở pháp lý và cần được bãi bỏ.** | **Đề nghị bãi bỏ Điều 22 của Nghị định 25**  Trong trường hợp cơ quan nhà nước thuyết minh được nguy cơ của việc doanh nghiệp vi phạm nhưng mất khả năng thanh toán nên cần phải yêu cầu doanh nghiệp "đặt cọc" tiền thì nên xử lý theo hướng yêu cầu doanh nghiệp mua bảo hiểm bồi thường trách nhiệm dân sự đối với khách hàng hoặc trích lập dự phòng rủi ro để bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng sử dụng dịch vụ.  Lúc này, quy định về mua bảo hiểm bắt buộc hoặc trích lập dự phòng rủi ro không nhằm mục đích để nộp phạt vi phạm hành chính, mà nhằm mục đích bồi thường cho người tiêu dùng khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, gây thiệt hại cho người tiêu dùng.  Trong trường hợp áp dụng cơ chế mua bảo hiểm bắt buộc hoặc trích lập dự phòng rủi ro, các điều kiện về vốn pháp định không còn phù hợp. Điều kiện về vốn pháp định chỉ phù hợp đối với các lĩnh vực về tài chính, đòi hỏi thanh khoản dòng tiền nên cần có vốn lớn. Còn lĩnh vực viễn thông không có đặc tính này nên không cần thiết.  Có ý kiến cho rằng vốn pháp định còn nhằm bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng khi doanh nghiệp không tiếp tục kinh doanh. Tuy nhiên, nếu đã có quy định về mua bảo hiểm bắt buộc hoặc trích lập dự phòng rủi ro thì quyền lợi của người tiêu dùng đã được bảo đảm thông qua cơ chế này. |
| 11 | **Điều 23. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông**  5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông bao gồm các thông tin chính sau đây:  đ) Các điều khoản, điều kiện doanh nghiệp phải tuân thủ khi thiết lập mạng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông. | Nội dung của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Điều 23.5.đ bao gồm cả các điều khoản, điều kiện doanh nghiệp phải tuân thủ khi thiết lập mạng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông. Trong trường hợp doanh nghiệp không tuân thủ các điều khoản, điều kiện này thì có thể bị xử phạt.  Tuy nhiên, quy định này đặt ra câu hỏi là ngoài các nghĩa vụ mà pháp luật quy định, liệu doanh nghiệp có phải tuân thủ các "điều khoản, điều kiện" khác được đưa thêm vào trong giấy phép? | **Đề nghị làm rõ** quy định tại Điều 23.5.đ hoặc bỏ yêu cầu này. Vì nếu chỉ dẫn chiếu lại các quy định trong pháp luật mà doanh nghiệp phải tuân thủ thì không thực sự cần thiết. |
| 12 | **6. Công bố nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông**  Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp phải đăng trên một trong các tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 5 Điều này. | Với sự phát triển của công nghệ và truyền thông, phương pháp công bố nội dung giấy phép này không còn phù hợp. | **Đề nghị sửa đổi** theo hướng việc công bố nội dung giấy phép được thực hiện qua trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và của Bộ Thông tin và Truyền thông. |
| 13 | **Thời gian giải quyết thủ tục hành chính** | Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo tương đối dài hơn so với các lĩnh vực khác. Ví dụ, thời gian xem xét tình phù hợp của hồ sơ lên đến 5 ngày, thậm chí 10 ngày làm việc. Thời gian xem xét cấp phép lên dến 40 ngày làm việc (tức là khoảng 56 ngày thực tế). | Nhằm thực hiện chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan soạn thảo rút ngắn thời gian này xuống, cụ thể:  - Thời gian xem xét tính phù hợp của hồ sơ: 1-2 ngày.  - Thời gian xem xét cấp phép: tối đa 30 ngày. |